

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, Điều 58 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân thụ lý số: 518/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Ngô Tá S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 40 đường HC, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 40 đường HC, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Huế nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, đối với người yêu cầu anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H. Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: có 02 người con chung tên là Ngô Tá Anh Q, sinh ngày 21/10/2013 và Ngô Phương T, sinh ngày 09/11/2017.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao hai con chung Ngô Tá Anh Q, sinh ngày 21/10/2013 và Ngô Phương T, sinh ngày 09/11/2017 cho anh Ngô Tá S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thu H không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H cùng xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải 30 tháng 11 năm 2020, anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: có 02 người con chung tên là Ngô Tá Anh Q, sinh ngày 21/10/2013 và Ngô Phương T, sinh ngày 09/11/2017.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao hai con chung Ngô Tá Anh Q, sinh ngày 21/10/2013 và Ngô Phương T, sinh ngày 09/11/2017 cho anh Ngô Tá S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thu H không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con. (Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh S).

- Về tài sản chung: Anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H cùng xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 150.000 đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H

- Về con chung: có 02 người con chung tên là Ngô Tá Anh Q, sinh ngày 21/10/2013 và Ngô Phương T, sinh ngày 09/11/2017.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao hai con chung Ngô Tá Anh Q, sinh ngày 21/10/2013 và Ngô Phương T, sinh ngày 09/11/2017 cho anh Ngô Tá S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thu H không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi ích của con anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H cùng xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận anh S chịu 150.000 đồng, chị H chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000657 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Ngô Tá S và chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tp Huế;
- UBND phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế (ĐK ngày 12/5/2017)
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS tp Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGUYỄN HƯƠNG LAN